

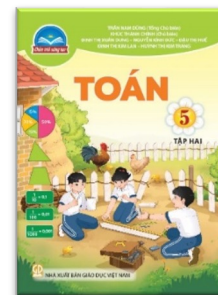
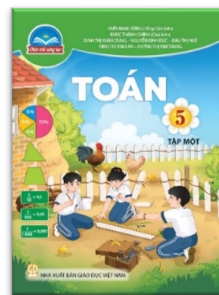
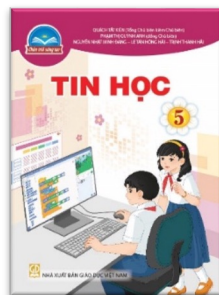
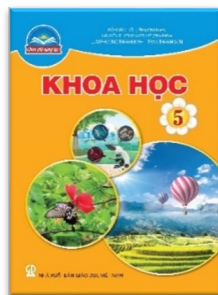
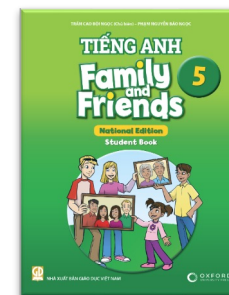
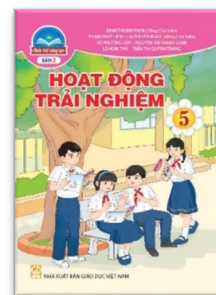
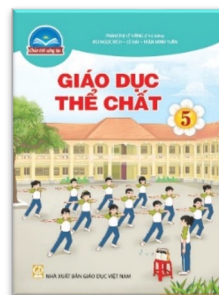
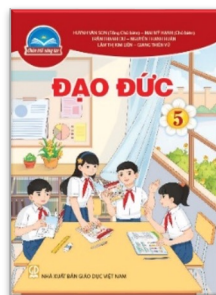


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BỘ SÁCH GIÁO KHOA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

LỚP 5





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 (BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)



Chân trời sáng tạo



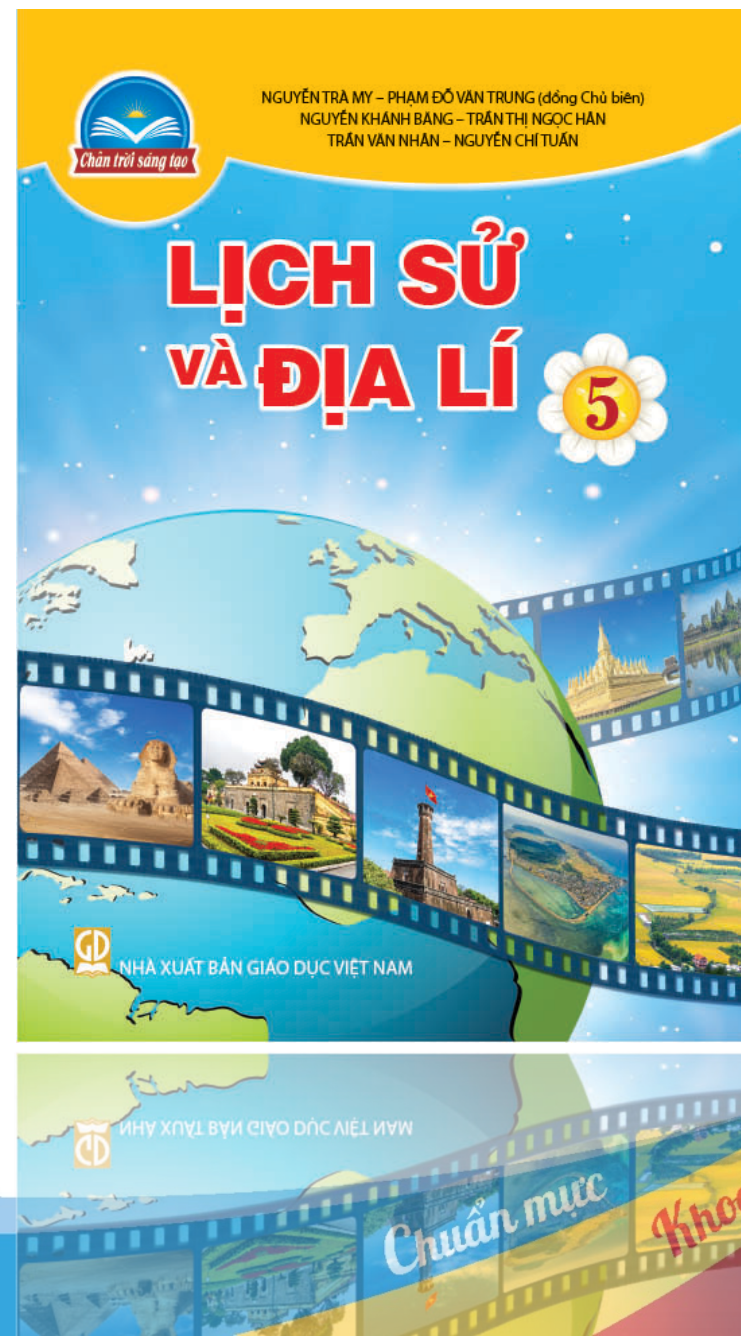


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG
(Đồng Chủ biên)

NGUYỄN KHÁNH BĂNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN –
TRẦN VĂN NHÂN – NGUYỄN CHÍ TUẤN



Chân trời sáng tạo



NỘI DUNG CHÍNH

1. Giới thiệu chung
2. Những điểm nổi bật của SGK Lịch sử và Địa lí 5
3. Cấu trúc SGK
4. Hệ tài nguyên trực tuyến và góc hỗ trợ

1. Giới thiệu chung

Mục đích biên soạn

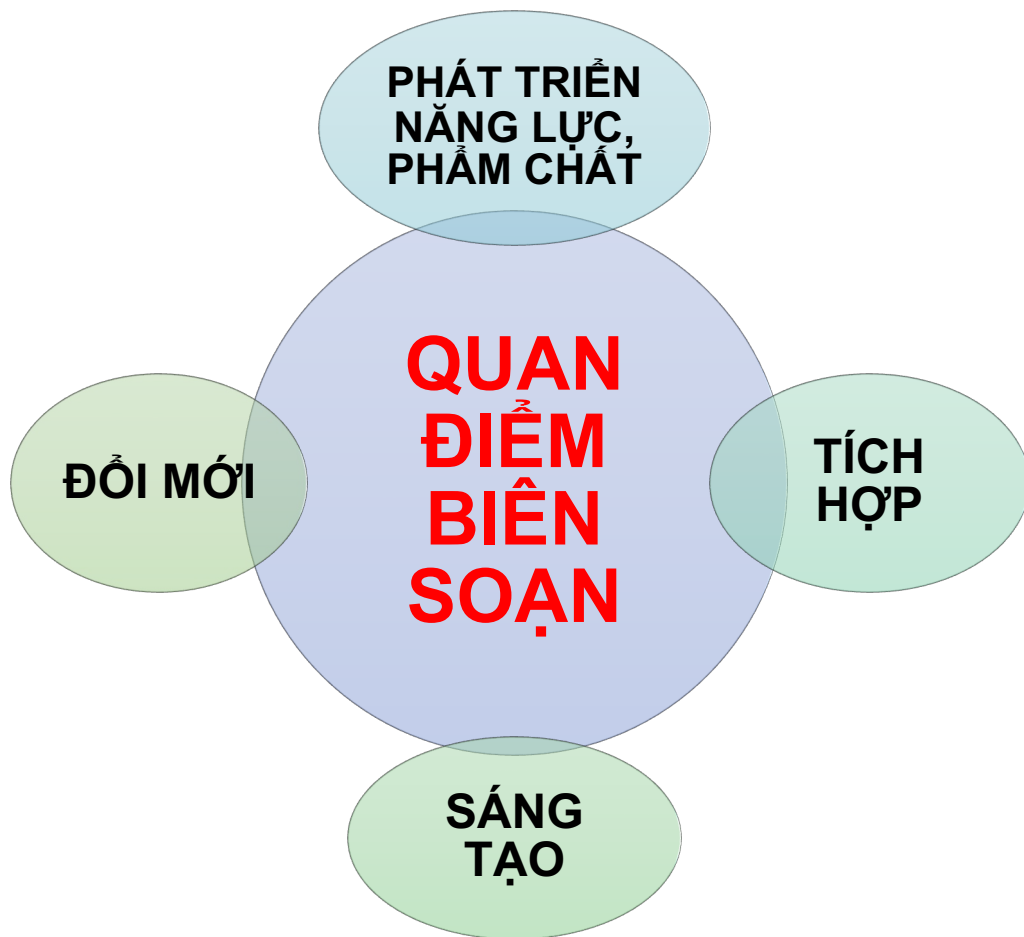
- ✓ Giới thiệu đến học sinh, giáo viên và bạn đọc quan tâm một tài liệu giáo khoa làm phương tiện dạy học môn học Lịch sử và Địa lí lớp 5, theo định hướng chuyển từ giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực học sinh; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.
- ✓ Giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực địa lí – lịch sử đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở học sinh phẩm chất chủ yếu và năng lực chung như: tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội;...

1. Giới thiệu chung

Cơ sở biên soạn

- ✓ Nghị quyết 29-NQ/TW, Nghị quyết 88/2014/QH13, Quyết định số 404/QĐ-TTg về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
- ✓ Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT, ngày 22 – 12 – 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa, thẩm định sách giáo khoa.
- ✓ Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- ✓ Luật Giáo dục (sửa đổi) năm 2019.

1. Giới thiệu chung



- Kế thừa bộ sách giáo khoa hiện hành
- Học hỏi kinh nghiệm viết SGK ở các nước tiên tiến
- Thay đổi cách tiếp cận khi biên soạn
- Bám sát chương trình GDPT 2018, chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học



BÁM SÁT YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA CHƯƠNG TRÌNH



Chân trời sáng tạo

Chủ đề 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

Bài 1

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.



Khởi động

Hãy nêu những điều em biết về hai địa danh trong hình 1 và hình 2.



Hình 1. Cột cờ Lũng Cú (Hà Giang)



Hình 2. Biểu tượng mũi Cà Mau (Cà Mau)



Khám phá

1. Vị trí địa lí và lãnh thổ

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

- Xác định trên bản đồ vị trí địa lí của Việt Nam.
- Mô tả hình dạng phần đất liền Việt Nam.

Việt Nam thuộc châu Á, nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, tiếp giáp với Biển Đông. Phần đất liền, Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc ở phía bắc, Cam-pu-chia (Cambodia) và Lào ở phía tây.

Bài 23

VĂN MINH AI CẬP



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về kim tự tháp, pha-ra-ông (pharaoh),...



Khởi động

Hình 1 gợi cho em điều gì về đất nước Ai Cập?



Hình 1. Sông Nin (Nile) ở Ai Cập



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay.

Ai Cập nằm ở phía đông bắc châu Phi, có sông Nin chảy qua lãnh thổ. Phía bắc Ai Cập giáp Địa Trung Hải, phía đông bắc giáp I-xra-en (Israel), phía đông giáp Biển Đỏ, phía nam giáp Xu-đăng (Sudan) và phía tây giáp Li-bi (Libya).



Hình 2. Lược đồ nước Ai Cập ngày nay



2. Những điểm nổi bật của SGK Lịch sử và Địa lí 5





ĐIỂM MỚI NỔI BẬT





Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa,...).
- Sưu tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.



Chân trời sáng tạo

1. Chú ý khai thác hệ thống tư liệu để cụ thể hoá Yêu cầu cần đạt

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận quan trọng của lãnh thổ Việt Nam. Qua nhiều thế kỉ, ông cha ta không ngừng khẳng định và đấu tranh nhằm bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Từ thế kỉ XVII, nhà nước Việt Nam thực hiện nhiều hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí và khai thác tài nguyên ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Năm 1838, vua Minh Mạng cho vẽ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* thể hiện rõ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là của Việt Nam. Thời Pháp thuộc, bia chủ quyền được Pháp dựng ở quần đảo Hoàng Sa.



Em có biết?

Theo sách *"Phủ biên tạp lục"* của Lê Quý Đôn, vào đầu thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn thành lập *"đội Hoàng Sa"* và sau thêm *đội Bắc Hải* để giương buồm vượt sóng ra khơi tìm kiếm sản vật, đo đạc đường biển, tuần phòng trên Biển Đông. Họ cắm cột mốc trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.



Hình 2. Tượng đài đội Hoàng Sa kiểm quản Bắc Hải (Quảng Ngãi)



Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa

Lễ Khao lề thế lính là một nghi lễ trang trọng được tổ chức trước khi đội Hoàng Sa đi làm nhiệm vụ quản lí và khai thác sản vật trên vùng biển ở quần đảo Hoàng Sa. "Khao lề" là lễ khao định kì hằng năm, còn "thế lính" là việc cúng tế mạng cho những binh phu ra đảo. Lễ thức gồm các lễ nhỏ như lễ yết, lễ cung nghinh, lễ thả thuyền,... Năm 2013, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa được ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

(Theo Hà Minh Hồng – Trần Nam Tiến – Nguyễn Kim Hoàng – Ngô Hữu Phước, *Chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019)



Hình 3. Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa được tổ chức tại huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...).
- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
- Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.



Chân trời sáng tạo

**1. Chú ý khai thác
hệ thống tư liệu để
cụ thể hoá Yêu cầu
cần đạt**

3. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

Đọc thông tin và quan sát các hình 8, 9, 10, 11, em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.



Hình 8. Trồng rừng ven biển (Cà Mau)



Hình 9. Trồng dưa trên đất dốc (Điện Biên)



Hình 10. Tàu thuyền neo đậu tránh bão năm 2021 (Đà Nẵng)



Hình 11. Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở Việt Nam

Chuẩn mực

Khoa học

Hiện đại



1. Chú ý khai thác hệ thống tư liệu để cụ thể hoá Yêu cầu cần đạt



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

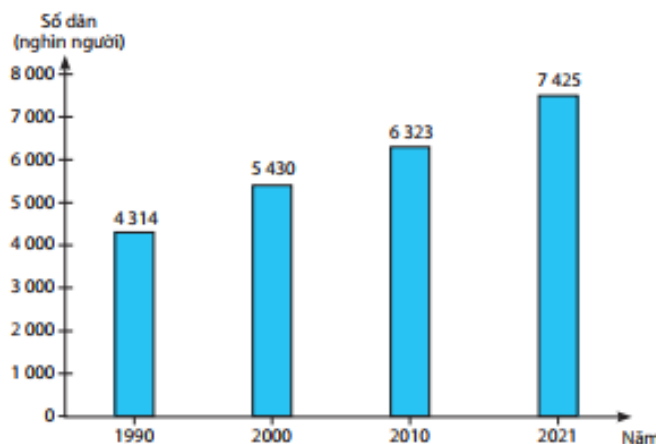
- Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Lào: Cánh đồng Chum, Cổ đô Luông Pha-băng (Luang Prabang), Thạt Luồng,...

2. Đặc điểm dân cư

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy nêu đặc điểm của dân cư Lào.

Số dân của Lào không lớn, đạt 7 425 nghìn người (năm 2021); tốc độ tăng dân số nhanh. Mật độ dân số khoảng 32 người/km². Dân cư phân bố khá thưa thớt và không đều; tập trung chủ yếu ở đồng bằng, thung lũng sông lớn, vùng nông thôn.

Phần lớn dân cư là dân tộc Lào. Các dân tộc khác như Khơ-me, Mông,... chiếm tỉ lệ nhỏ.



Hình 3. Biểu đồ thể hiện số dân của Lào giai đoạn 1990 – 2021

Chuẩn mực

Khoa học

Hiện đại



1. Chú ý khai thác hệ thống tư liệu để cụ thể hoá Yêu cầu cần đạt

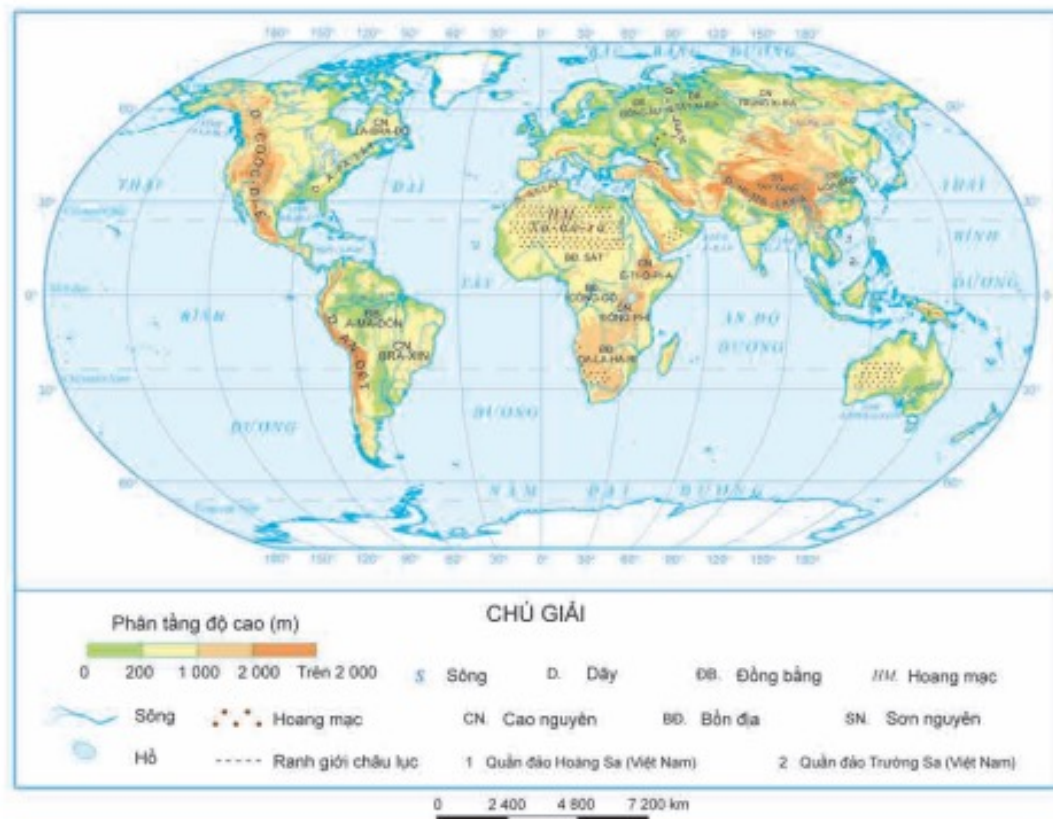


Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của các châu lục, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục.
- Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.



Chân trời sáng tạo



Hình 3. Lược đồ tự nhiên thế giới



1. Chú ý khai thác hệ thống tư liệu để cụ thể hoá Yêu cầu cần đạt

tuy nhiên phân bố không đều. Nơi có điều kiện thuận lợi cho sinh sống và sản xuất như địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hoà, giao thông thuận tiện, khu đô thị,... dân cư đông đúc. Những nơi có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt như hoang mạc, vùng núi cao, vùng cực lạnh giá,... dân cư rất ít.

Phần lớn dân số thế giới tập trung ở châu Á. Châu Đại Dương có số dân ít nhất.

Số dân các châu lục và toàn thế giới năm 2021

Châu lục	Số dân (triệu người)
Châu Á	4 695
Châu Âu	745
Châu Đại Dương	44
Châu Mỹ	1 031
Châu Phi	1 394
Toàn thế giới	7 909

(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022)

2. Các chủng tộc trên thế giới

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy:

- Cho biết tên các chủng tộc chính trên thế giới.
- Mô tả một số nét chính về ngoại hình của các chủng tộc.
- Xác định trên lược đồ sự phân bố các chủng tộc chính trên thế giới.

Thế giới có bốn chủng tộc chính và nhóm người lai. Các chủng tộc có nhiều đặc điểm khác nhau về ngoại hình, phân bố,...



Hình 3. Các chủng tộc chính trên thế giới

Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-ít (người da trắng)

Đặc điểm ngoại hình: da trắng, tóc nâu hoặc vàng gợn sóng, mắt xanh hoặc nâu, mũi cao, môi rộng.

Đặc điểm phân bố: chủng tộc có địa bàn cư trú rộng, tập trung chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương.

Chủng tộc Nê-grô-ít (người da đen)

Đặc điểm ngoại hình: da đen, tóc xoăn, mắt to và đen, mũi rộng, môi dày,...

Đặc điểm phân bố: chủng tộc phân bố chủ yếu ở châu Phi.

Chủng tộc Môn-gô-lô-ít (người da vàng)

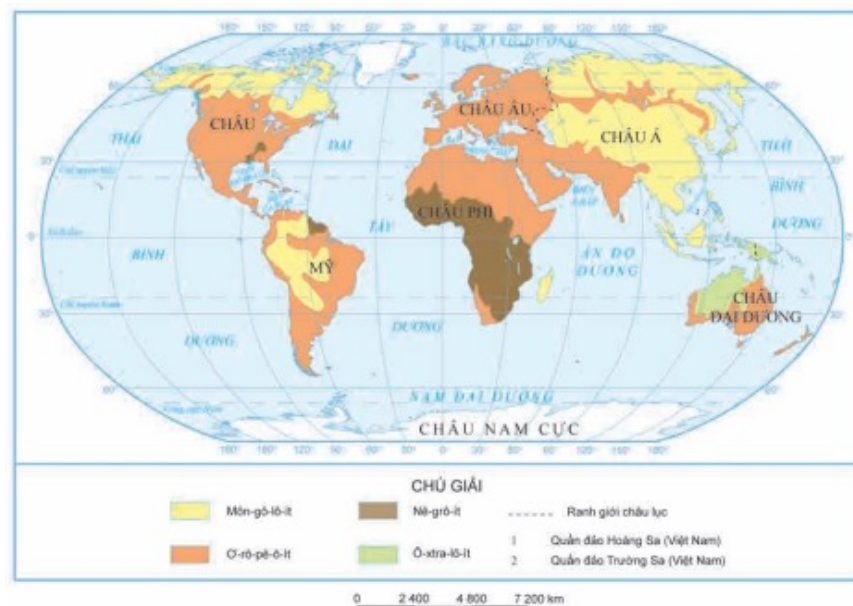
Đặc điểm ngoại hình: da vàng, tóc đen và thẳng, mắt đen, mũi thấp.

Đặc điểm phân bố: chủng tộc phân bố chủ yếu ở châu Á.



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng được bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới.
- Kể được tên và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.
- Sử dụng được lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.
- Biết ứng xử phù hợp thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.



Hình 4. Lược đồ phân bố các chủng tộc chính trên thế giới năm 2022



Chân trời sáng tạo



1. Chú ý khai thác hệ thống tư liệu để cụ thể hoá Yêu cầu cần đạt



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.
- Sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...).
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.
- Thể hiện được sự quan tâm đến vấn đề môi trường trên thế giới qua hình thức vẽ tranh, viết thư,...



Chân trời sáng tạo

3. Một số biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp

Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 10, em hãy đề xuất một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.

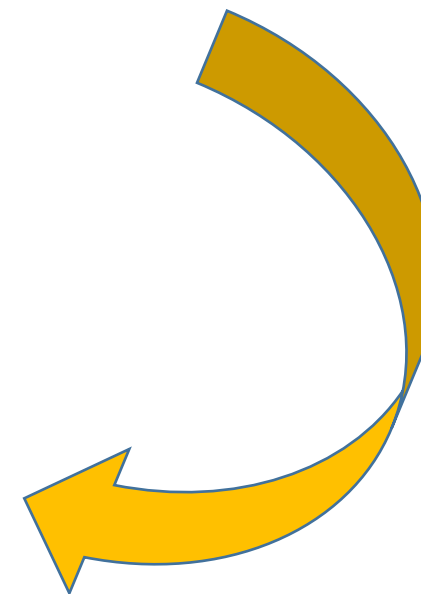
Ngày nay, nhân loại đã và đang thực hiện nhiều biện pháp thiết thực nhằm bảo vệ Trái Đất như tuyên truyền, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lí,...



Hình 9. Một số biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp



Hình 10. Hệ thống xử lý nước thải ở Thái Lan



Chuẩn mực

Khoa học

Hiện đại



1. Chú ý khai thác hệ thống tư liệu để cụ thể hoá Yêu cầu cần đạt



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Sưu tầm một số tư liệu (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,... trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi viết và đọc *Tuyên ngôn Độc lập*; chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.



“Ông Ké” trong lòng người dân Pác Bó

Sau khi về nước năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn xây dựng căn cứ địa cách mạng tại Pác Bó (Cao Bằng). Tại đây, Người vừa lãnh đạo cách mạng Việt Nam, vừa dạy chữ cho người dân, quan tâm từng người già, trẻ nhỏ. Hình ảnh một cụ già ân cần bên trẻ nhỏ đã in sâu vào trong lòng người dân nơi đây. Họ thường triu mến gọi Người là “ông Ké” (tiếng địa phương có nghĩa là ông già đáng kính).

(Theo Ma Trường Nguyên,
Ông Ké thượng cấp, NXB Hồng Đức,
Hà Nội, 2016)



Hình 3. Tranh vẽ Bác Hồ (1890 – 1969)
làm việc tại Pác Bó



Hồ Chí Minh và căn cứ địa cách mạng Tân Trào

Tháng 5 – 1945, Bác Hồ rời Pác Bó về Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang). Vùng đất này hội đủ các yếu tố để xây dựng và phát triển thành căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa. Tại đây, trong một căn lán nhỏ đơn sơ ở khu rừng Nà Nưa, Người và Trung ương Đảng đã đưa ra những chính sách kịp thời, táo bạo, góp phần nhanh chóng đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

(Theo Ban Tuyên giáo Trung ương, 117 câu chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007)



Hình 4. Lán Nà Nưa – nơi làm việc của Hồ Chí Minh
tại Tân Trào (Tuyên Quang)



Chân trời sáng tạo



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.
- Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.



Truyền thuyết Hồn Diên – Liễu Diệp

Thuở xưa, Vương quốc Phù Nam được cai trị bởi Nữ vương Liễu Diệp. Lúc bấy giờ, tại nước Ấn Độ có một chàng trai tên là Hồn Diên, đem niềm mộng được thần ban cho làm vua. Hôm sau, Hồn Diên đến đền thần và tìm thấy một cây cung. Chàng cùng với một số chiến binh dong thuyền tới Phù Nam. Liễu Diệp thấy thuyền lạ đến nên dẫn quân ra bắt giữ. Hồn Diên giương cung tử xa bắn, quân Liễu Diệp không chống trả được, xin hàng. Về sau, hai người kết hôn và cùng cai trị nước Phù Nam.

(Theo Lương Ninh, Vương quốc Phù Nam – Lịch sử và văn hoá, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2005)

2. Một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4, 5, 6, 7, em hãy kể tên và mô tả các hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

Trên địa bàn sinh sống của cư dân Phù Nam xưa, nhiều hiện vật khảo cổ học đã được tìm thấy như đồ gốm, tượng Phật, đồ trang sức,...

Đồ gốm



Hình 2. Bình gốm cao

Hình 3. Bình gốm có vòi

Hình 4. Lì gốm

Nghệ thuật tạo tượng



Hình 5. Tượng Phật gỗ Phù Nam

Đồ trang sức



Hình 6. Vòng cổ bằng đá

Hình 7. Nhẫn vàng



Em có biết?

Tượng Phật đứng của cư dân Phù Nam được tìm thấy nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, di chỉ Nền Chùa ở tỉnh Kiên Giang khai quật được 20 pho tượng. Đặc biệt, một nửa số tượng này được tạc bằng gỗ, có pho tượng cao 2,2 m.

1. Chú ý khai thác hệ thống tư liệu để cụ thể hoá Yêu cầu cần đạt



1. Chú ý khai thác hệ thống tư liệu để cụ thể hoá Yêu cầu cần đạt

Bài 7

VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa (Champa) còn lại cho đến ngày nay.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) mô tả được một đền tháp Chăm-pa.
- Tìm hiểu và kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.



Khởi động

Hãy kể tên một số di sản ở vùng Duyên hải miền Trung mà em biết.



Khám phá

1. Vị trí một số đền tháp Chăm-pa

Quan sát hình 1, em hãy kể tên và xác định vị trí của một số đền tháp Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay.

Vương quốc Chăm-pa ra đời vào thế kỉ II ở miền Trung Việt Nam ngày nay. Cư dân Chăm-pa thường xây dựng các đền tháp để làm nơi thờ cúng thần linh và sinh hoạt cộng đồng. Đền tháp Chăm-pa trở thành biểu tượng văn hoá và tôn giáo của dân tộc Chăm.



Hình 1. Lược đồ một số đền tháp Chăm-pa ở Việt Nam



Chân trời sáng tạo



2. Hệ thống câu hỏi phát triển năng lực

Chú trọng các câu hỏi phát triển năng lực

Chú trọng các câu hỏi luyện tập, vận dụng đa dạng



Chú trọng các câu hỏi phát triển năng lực

Chủ đề 5: TÌM HIỂU THẾ GIỚI

Bài
21

CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của các châu lục, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục.
- Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.



Khởi động

Quan sát ô chữ dưới đây, em hãy:

- Sắp xếp các chữ cái để tạo thành từ có nghĩa.
- Chia sẻ những hiểu biết của em về từ đó.

Đ Æ Ư D Ộ N G N Ơ



Khám phá

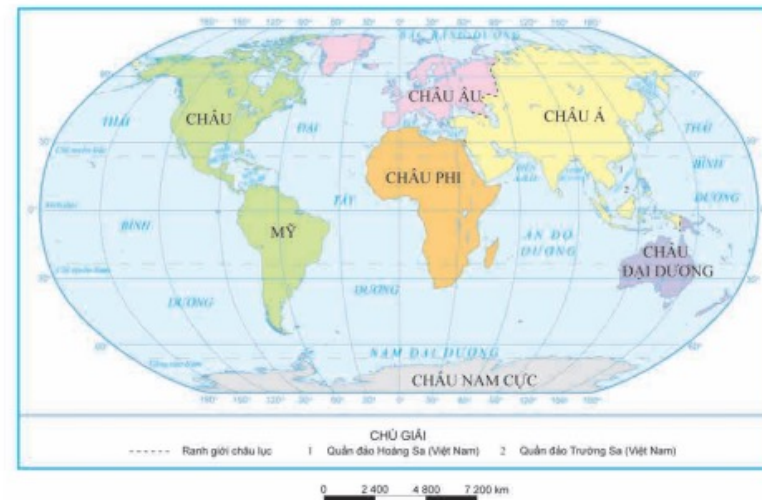
1. Các châu lục trên thế giới

Vị trí địa lí các châu lục

Quan sát hình 1, em hãy:

- Kể tên và xác định trên lược đồ vị trí các châu lục trên thế giới.
- Cho biết mỗi châu lục tiếp giáp với các đại dương và châu lục nào.

Thế giới có sáu châu lục, trong đó châu Á, châu Âu và châu Phi được gán với nhau thành một khối, chủ yếu nằm ở bán cầu Bắc. Châu Mỹ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, giữa hai đại dương lớn là Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Phần lớn châu Đại Dương ở bán cầu Nam. Châu Nam Cực nằm ở khu vực quanh cực Nam của Trái Đất và cách xa các châu lục khác.



Hình 1. Lược đồ các châu lục và đại dương trên thế giới

Đặc điểm tự nhiên các châu lục

- Châu Á

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:

- Xác định vị trí các dãy núi, cao nguyên, đồng bằng và một số sông lớn ở châu Á.
- Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi và thiên nhiên châu Á.

Châu Á có địa hình đa dạng với các dãy núi cao, đồng bằng rộng lớn, sơn nguyên đồ sộ,... Đỉnh núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích. Ê-vơ-rét (Everest) thuộc dãy Hi-ma-lay-a (Himalaya) là đỉnh núi cao nhất thế giới với độ cao 8 848 m. Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích. Nhiều vịnh biển và bán đảo lớn như vịnh Ben-gan (Bengal), bán đảo Ả Rập,...

Khí hậu châu Á thay đổi từ bắc xuống nam, bao gồm hàn đới, ôn đới và nhiệt đới. Mạng lưới sông ngòi phát triển, nhiều sông dài bậc nhất thế giới như Trường Giang, Mê Công,...

Thiên nhiên châu Á rất đa dạng, bao gồm đài nguyên, rừng lá kim, rừng lá rộng, rừng nhiệt đới ẩm. Vào sâu trong đất liền còn có những hoang mạc rộng lớn.



Hình 2. Đỉnh núi Ê-vơ-rét



Chú trọng các câu hỏi phát triển năng lực

Bài 20

HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).



Khởi động

Hãy kể tên một số hoạt động có sự tham gia của nhiều nước thuộc khu vực Đông Nam Á mà em biết.



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và kể tên các nước trong khu vực Đông Nam Á.



Hình 1. Lược đồ các nước Đông Nam Á năm 2021

Đông Nam Á là một khu vực rộng lớn gồm 11 quốc gia nằm ở phía đông nam châu Á. Phía bắc khu vực Đông Nam Á giáp Trung Quốc, Ấn Độ và Băng-la-dét (Bangladesh). Các phía còn lại được bao quanh bởi Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

2. Sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy cho biết Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời như thế nào.

Sau khi giành được độc lập, với mong muốn có một tổ chức liên minh khu vực để cùng hợp tác phát triển, ngày 8 – 8 – 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan). Ban đầu, Hiệp hội có sự tham gia của 5 nước là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

Sau đó, ASEAN đã kết nạp Bru-nây vào năm 1984, Việt Nam vào năm 1995, Lào và Mi-an-ma vào năm 1997. Đến năm 1999, Cam-pu-chia được kết nạp vào ASEAN.



Hình 2. Đại diện 5 quốc gia kí tuyên bố thành lập ASEAN ngày 8 – 8 – 1967



Em có biết?

Cờ ASEAN gồm có màu xanh, đỏ, trắng và vàng, đại diện cho những màu chính của quốc kì các nước thành viên ASEAN. Màu xanh đại diện cho sự hoà bình và ổn định. Màu đỏ thể hiện sự năng động và lòng can đảm. Màu trắng thể hiện sự tinh khiết. Màu vàng biểu tượng cho sự thịnh vượng.



Hình 3. Lá cờ của ASEAN



Luyện tập

1. Hoàn thành sơ đồ về diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ theo mẫu dưới đây vào vở:



2. Hoàn thành thẻ ghi nhớ về các anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ theo gợi ý: tên nhân vật, đóng góp chính,...



Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh, câu chuyện về tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp.

**Chú trọng các
câu hỏi luyện tập,
vận dụng
đa dạng**



Luyện tập

1. Hoàn thành bảng thông tin về biển, đảo Việt Nam theo mẫu dưới đây vào vở:

Nội dung	Thông tin
Vùng biển Việt Nam	?
Tên một số quần đảo	?
Tên một số đảo	?

2. Nêu một số bằng chứng để khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông.
3. Sưu tầm, kể lại một câu chuyện hoặc đọc một bài thơ về biển, đảo Việt Nam, sau đó nêu ý nghĩa của câu chuyện hoặc bài thơ đó.



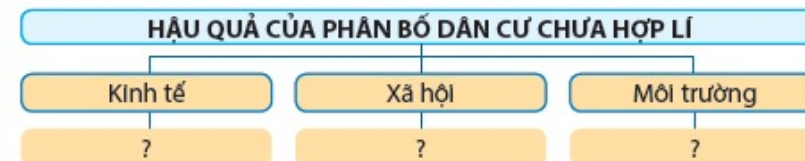
Vận dụng

Viết một bức thư thể hiện sự biết ơn gửi đến các chú bộ đội ở hải đảo xa đang ngày đêm làm nhiệm vụ canh giữ, bảo vệ bình yên cho Tổ quốc.



Luyện tập

1. Dựa vào bảng 1, so sánh số dân Việt Nam với số dân của Xin-ga-po, Lào, Cam-pu-chia.
2. Vẽ sơ đồ về hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí theo mẫu dưới đây vào vở:



Vận dụng

Hãy kể lại một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết của các dân tộc ở địa phương em sinh sống.



Luyện tập

1. Dựa vào bảng số liệu trong bài, xếp thứ tự các châu lục theo số dân tăng dần.
2. Hoàn thành bảng thông tin về một số đặc điểm ngoại hình của bốn chủng tộc chính trên thế giới theo mẫu vào vở:

Đặc điểm	Màu da	Tóc	Mũi	Mắt
Chủng tộc				
Ơ-rô-pê-ô-ít	?	?	?	?
Nê-grô-ít	?	?	?	?
Ô-xtra-lô-ít	?	?	?	?
Môn-gô-lô-ít	?	?	?	?



Vận dụng

Em có những ứng xử như thế nào nếu học chung trường với các bạn học sinh quốc tế?



3. Tích hợp



Khởi động

Hãy cho biết lời bài hát dưới đây nhắc đến sự kiện lịch sử nào ở Việt Nam. Em biết gì về sự kiện đó?

"...Mười chín tháng Tám, ánh sao tự do đưa tới.

Cờ bay nơi nơi, muôn ánh sao vàng...

Mười chín tháng Tám, chớ quên là ngày khởi nghĩa.

Hạnh phúc sáng tỏ, non sông Việt Nam".

(Xuân Oanh, Mười chín tháng Tám, 1945)



Khởi động

Ở cột cờ Lũng Cú (Hà Giang), Quốc kì Việt Nam có chiều dài 9 m, chiều rộng 6 m và tổng diện tích là 54 m^2 . Theo em, con số 54 cho biết thông tin gì về dân tộc Việt Nam?



3. Tích hợp



Chân trời sáng tạo

Bài
19

VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA



Thủ đô: Phnôm Pênh
Diện tích: 176,5 nghìn km²
Số dân: 16 589 nghìn người
(năm 2021)



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lý của Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia: Ăng-co Vát (Angkor Wat), Ăng-co Thom (Angkor Thom), Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...



Khởi động

Quốc kì của Vương quốc Cam-pu-chia (Cam-pu-chia) có in hình một công trình kiến trúc nổi tiếng. Em biết gì về công trình kiến trúc này?



Khám phá

1. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên

Vị trí địa lý

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lý của Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia nằm ở phía tây nam bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á. Cam-pu-chia tiếp giáp với Việt Nam, Lào, Thái Lan và vịnh Thái Lan.

76

Đặc điểm tự nhiên

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy:

- Trình bày đặc điểm tự nhiên của Cam-pu-chia.
- Cho biết mạng lưới sông, hồ ở Cam-pu-chia có vai trò quan trọng như thế nào.

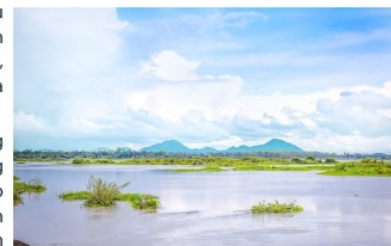
Phần lớn diện tích lãnh thổ Cam-pu-chia là đồng bằng; các dãy núi thấp, cao nguyên,... phân bố ở xung quanh. Dãy núi Các-da-môn (Cardamom) nằm ở phía tây nam với đỉnh núi Phnôm Ao-rô (Phnom Aural) cao nhất Cam-pu-chia (1 813 m).



Hình 1. Lược đồ tự nhiên Cam-pu-chia

Cam-pu-chia có khí hậu nhiệt đới, nóng quanh năm, lượng mưa khá lớn, hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa.

Mê Công là dòng sông chính, chảy theo hướng bắc – nam. Hồ Tôn-lê Sáp (Tonle Sap) còn gọi là Biển Hồ, là hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất Đông Nam Á.



Hình 2. Một góc hồ Tôn-lê Sáp

2. Đặc điểm dân cư

Đọc thông tin, em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Cam-pu-chia.

77



Cam-pu-chia có số dân không lớn, khoảng 16 589 nghìn người (năm 2021) nhưng tốc độ tăng khá nhanh. Mật độ dân số Cam-pu-chia đạt 94 người/km². Dân cư phân bố không đều, vùng đồng bằng đông đúc hơn rất nhiều so với vùng núi. Phần lớn dân số Cam-pu-chia sống ở nông thôn nhưng dân số thành thị có xu hướng tăng nhanh trong thời gian gần đây.

Hơn 90% dân số Cam-pu-chia là người Khor-me, còn lại là các dân tộc khác.

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Cam-pu-chia.

Cam-pu-chia có nhiều công trình kiến trúc nổi bật như Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, Tượng đài độc lập Phnôm Pênh, Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...

Ăng-co Thom là kinh đô cũ của Cam-pu-chia, được xây dựng vào cuối thế kỉ XII. Thành có năm cửa ra vào, mỗi cửa xây hình ba ngọn tháp theo hàng ngang, mỗi ngọn có bốn mặt Phật. Bên trong thành có nhiều đền thờ, trung tâm là đền Bay-on – ngôi đền vĩ đại với nét kiến trúc độc đáo, là điểm nhấn đặc biệt của Ăng-co Thom trong nhiều thế kỉ.



Hình 3. Đền Bay-on (Bayon) ở Ăng-co Thom



Em có biết?

Ăng-co Vát trong tiếng Khor-me có nghĩa là "Thành phố của những ngôi đền", là quần thể phức hợp với hơn 1 000 đền đài được xây dựng từ thế kỉ XII. Ăng-co Vát là biểu tượng của Cam-pu-chia và trở thành hình ảnh xuất hiện chính giữa trên Quốc kì Cam-pu-chia.



Hình 4. Một góc đền Ăng-co Vát

Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam được xây dựng ở nhiều tỉnh và thành phố của Cam-pu-chia. Công trình là biểu tượng cho tình đoàn kết hữu nghị giữa hai đất nước. Hiện tại, ở Cam-pu-chia có khoảng 23 tượng đài chiến sĩ tình nguyện Việt Nam với những tạo hình khác nhau, nổi bật là tượng đài ở Thủ đô Phnôm Pênh. Công trình gồm tượng hai chiến sĩ, một chiến sĩ Cam-pu-chia và một chiến sĩ là quân tình nguyện Việt Nam, trên tay cầm súng bảo vệ một người phụ nữ đang bế con nhỏ.



Hình 5. Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam đặt tại Thủ đô Phnôm Pênh



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ thể hiện một số đặc điểm tự nhiên và dân cư Cam-pu-chia.
2. Tại Cam-pu-chia, công trình nào thể hiện tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia? Hãy mô tả công trình ấy.



Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện lịch sử về một số công trình tiêu biểu ở Cam-pu-chia.

4. Phân phối nội dung hợp lý và hình thức hấp dẫn

Bài 4

DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.
- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lý ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu.
- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.



Khởi động

Ở cột cờ Lũng Cú (Hà Giang), Quốc kì Việt Nam có chiều dài 9 m, chiều rộng 6 m và tổng diện tích là 54 m². Theo em, con số 54 cho biết thông tin gì về dân tộc Việt Nam?



Khám phá

1. Dân cư

Quy mô dân số

Đọc thông tin và dựa vào bảng 1, em hãy cho biết:

- Số dân Việt Nam năm 2021.
- Các quốc gia có số dân lớn hơn và số dân nhỏ hơn Việt Nam năm 2021.

Việt Nam là nước đông dân. Năm 2021, số dân Việt Nam khoảng 98 504 nghìn người, xếp thứ 15 trên thế giới và thứ 3 ở khu vực Đông Nam Á.

Bảng 1. Số dân của Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á năm 2021

Quốc gia	Số dân (nghìn người)
Bru-nây (Brunei)	445
Cam-pu-chia	16 589
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	273 753
Lào	7 425
Ma-lai-xi-a (Malaysia)	33 574
Mi-an-ma (Myanmar)	53 798
Phi-líp-pin (Philippines)	113 880
Xin-ga-po (Singapore)	5 941
Thái Lan	71 601
Ti-mo Lét-xtê (Timor-Leste)	1 321
Việt Nam	98 504

* Số liệu của Việt Nam lấy từ Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2022

(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022)

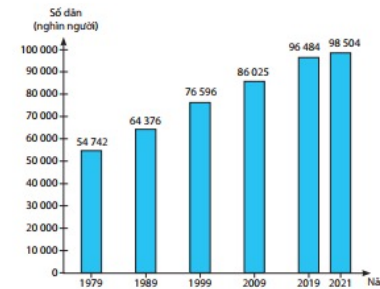
Gia tăng dân số

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

- Nhận xét sự gia tăng số dân của Việt Nam giai đoạn 1979 – 2021.
- Nêu một số hậu quả do dân số tăng nhanh gây ra.

Số dân Việt Nam tăng nhanh, cung cấp nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn nhưng đồng thời cũng gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường...

Hiện nay, tốc độ tăng dân số ở Việt Nam đã giảm.



Hình 1. Biểu đồ thể hiện số dân Việt Nam giai đoạn 1979 – 2021

Phân bố dân cư

Đọc thông tin và dựa vào bảng 2, em hãy:

- Nêu số dân của mỗi vùng. Cho biết vùng đông dân nhất và vùng ít dân nhất Việt Nam.
- Nêu một số hậu quả do phân bố dân cư chưa hợp lý gây ra.

Năm 2021, mật độ dân số Việt Nam cao gấp 5 lần so với mức trung bình của thế giới. Việt Nam có dân cư đông đúc nhưng phân bố không đều. Phần lớn dân cư sinh sống ở các khu vực đồng bằng. Khoảng $\frac{2}{3}$ dân cư tập trung ở khu vực nông thôn.

Bảng 2. Số dân các vùng ở Việt Nam năm 2021

Các vùng	Số dân (nghìn người)
Trung du và miền núi Bắc Bộ	14 275
Đồng bằng Bắc Bộ	21 872
Duyên hải miền Trung	20 585
Tây Nguyên	6 034
Nam Bộ	35 738

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2022)

4. Phân phối nội dung hợp lí và hình thức hấp dẫn

Nơi tập trung dân cư quá đông gây khó khăn cho giải quyết việc làm, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường.... Nơi dân cư thưa thớt sẽ gây thiếu lao động. Vì vậy, phân bố dân cư chưa hợp lí gây nhiều bất lợi cho phát triển kinh tế và đời sống người dân.

2. Dân tộc

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

- Cho biết Việt Nam có bao nhiêu dân tộc. Kể tên một số dân tộc.
- Nêu một số nét văn hoá của các dân tộc ở Việt Nam.
- Kể một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam.

Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc, bao gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Người Kinh có số lượng đông nhất, các dân tộc còn lại như người Mông, Thái, Tày, Nùng,... có số lượng ít hơn. Mỗi dân tộc có những nét văn hoá thể hiện ở tiếng nói, nếp sống, phong tục, tín ngưỡng, nghệ thuật, ẩm thực,... tạo nên sự đa dạng trong văn hoá Việt Nam.



a) Lễ hội Hoa Ban của các dân tộc vùng Tây Bắc (Điện Biên)

b) Lễ hội Đua ghe ngo của dân tộc Khơ-me (Khmer) (Sóc Trăng)

c) Lễ hội Cầu ngư của dân tộc Kinh (Đà Nẵng)

Hình 2. Lễ hội truyền thống của một số dân tộc ở Việt Nam

Trong công cuộc xây dựng đất nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm, truyền thống đoàn kết của các dân tộc Việt Nam đã hình thành và phát triển.



Thủ lĩnh Xa Khả Tham với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

Chuyện kể rằng, trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427), khi nghĩa quân mở rộng địa bàn hoạt động ra vùng núi Bắc Bộ, đã nhận được sự ủng hộ của các thủ lĩnh địa phương, trong đó có Xa Khả Tham (người dân tộc Thái). Hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn và Xa Khả Tham ở tỉnh Sơn La, Hoà Bình, Phú Thọ,... thu hút sự tham gia của các dân tộc như Mường, Thái,... Đồng bào tiếp tế lương thực, voi, ngựa cho nghĩa quân, góp phần giúp nghĩa quân Lam Sơn phát triển lực lượng, tiến tới chiến thắng quân Minh xâm lược. (Theo Địa chí Hoà Bình, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005)



Cuộc khởi nghĩa Võ Trú chống thực dân Pháp

Võ Trú (1852 – 1898) và Trần Cao Vân (1866 – 1916) là những người yêu nước, ủng hộ phong trào Cần vương chống Pháp. Sau khi phong trào Cần vương ở tỉnh Bình Định thất bại, Võ Trú và Trần Cao Vân tập hợp lực lượng để chống Pháp ở Trung Kỳ. Phong trào được sự ủng hộ tích cực của các già làng và đồng bào người Ê Đê, Chăm, Ba Na,... cũng như các nhà sư, nhà yêu nước người Kinh. Năm 1898, nghĩa quân Võ Trú tiến hành một số hoạt động đánh Pháp. Trên đường tiến công, nghĩa quân được nhân dân các dân tộc trong vùng đón mừng, tiếp tế lương thực và gia nhập nghĩa binh làm cho lực lượng tăng lên rất nhanh. Tuy nhiên, do chênh lệch về lực lượng và vũ khí, cuộc khởi nghĩa Võ Trú thất bại, nhưng đây là một trong những minh chứng cho tinh thần đoàn kết, yêu nước chống quân xâm lược của đồng bào các dân tộc Việt Nam.

(Theo Địa chí Phú Yên, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003)



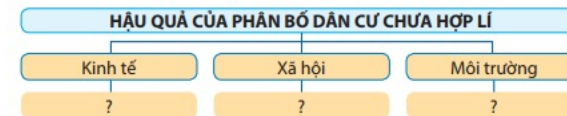
Em có biết?

Nhân dịp Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku (Gia Lai) ngày 19 – 4 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư chúc mừng và căn dặn: “Hôm nay đồng bào khai hội, sum họp một nhà thật là vui vẻ (...). Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xơ Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau (...)”.



Luyện tập

1. Dựa vào bảng 1, so sánh số dân Việt Nam với số dân của Xin-ga-po, Lào, Cam-pu-chia.
2. Vẽ sơ đồ về hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí theo mẫu dưới đây vào vở:



Vận dụng

Hãy kể lại một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết của các dân tộc ở địa phương em sinh sống.

Bài
10

TRIỀU TRẦN VÀ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MÔNG – NGUYÊN



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Suy tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Trần thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An,...).
- Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).



Khởi động

Kể tên một số nhân vật lịch sử tiêu biểu dưới Triều Trần mà em biết.



Khám phá

1. Triều Trần và công cuộc xây dựng đất nước

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, 3, em hãy:

- Trình bày một số nét chính về công cuộc xây dựng đất nước dưới Triều Trần.
- Kể lại câu chuyện về một nhân vật Triều Trần mà em có ấn tượng.

Năm 1226, Triều Trần được thành lập. Dưới triều đại này, các vua từng bước tiến hành công cuộc xây dựng đất nước, củng cố bộ máy chính quyền. Sau một thời gian trị vì, các vua Triều Trần thường nhường ngôi cho con và trở thành Thái Thượng hoàng, để cùng chăm lo việc nước.



Phật hoàng Trần Nhân Tông

Trần Nhân Tông là vị vua thứ ba của Triều Trần. Ông đã lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai và thứ ba. Sau khi nhường ngôi cho con, ông trở thành Thái Thượng hoàng, đồng thời còn hướng dẫn vua Trần Anh Tông trị nước. Ông trở thành người sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, dòng Phật giáo chính thống của dân tộc ta.

(Theo Đinh Xuân Lâm – Trương Hữu Quýnh, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sdd)



Hình 1. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258 – 1308) (khu di tích Yên Tử, Quảng Ninh)



Hình 2. Tranh vẽ cảnh đắp đê ở Triều Trần

Triều Trần có nhiều chính sách để phát triển kinh tế như cho đắp đê, khuyến khích sản xuất.

Văn hoá, giáo dục cũng được Triều Trần quan tâm và có bước phát triển mới. Thi cử đặt lệ lấy đồ Tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa), tuyển được nhiều người tài ra giúp vua cai trị nước.



Thầy giáo lỗi lạc Chu Văn An

Thầy giáo Chu Văn An người huyện Thanh Đàm (Thanh Trì, Hà Nội ngày nay), tính tình cương nghị, giữ mình trong sạch, không cầu lợi lộc. Là người có học vấn tinh thông, nổi tiếng cả nước, học trò nhiều nên ông được vua Trần mời về giữ chức Tư nghiệp (tương đương Hiệu trưởng ngày nay) ở Quốc Tử Giám và dạy học cho thái tử. Đời Trần Dụ Tông, vua không quan tâm việc nước, chỉ ham vui chơi, các quan lạm quyền. Ông viết “Thất trảm sớ” dâng lên vua xin chém 7 tên nịnh thần, nhưng không được chấp nhận. Vì thế, ông treo mũ áo từ quan, về quê dạy học. Nhiều học trò giỏi của ông như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát,... đều được trọng dụng, làm quan lớn trong triều.

(Theo Nguyễn Khắc Thuần, *Viết sử giai thoại*, tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)



Hình 3. Tượng Chu Văn An (1292 – 1370) đặt tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

2. Cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

– Kể tên những chiến thắng và nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

– Kể lại chiến thắng của quân dân nhà Trần trên sông Bạch Đằng. Qua đó, cho biết Trần Quốc Tuấn đã sử dụng kế sách nào đánh bại quân Nguyên.

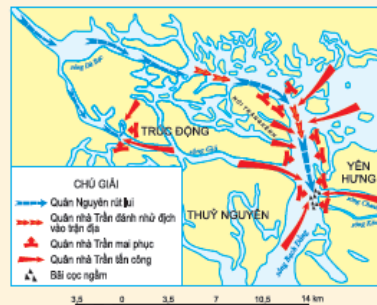
Quân dân nhà Trần đã ba lần đánh tan quân xâm lược Mông – Nguyên trong các năm 1258, 1285, 1287 – 1288 giữ vững nền độc lập của dân tộc. Nhiều câu chuyện lịch sử tiêu biểu gắn với các cuộc kháng chiến này đã được sử sách ghi lại.



Trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288

Đầu năm 1288, thuyền chở lương thực của quân Nguyên bị quân ta đánh chìm. Giặc lâm vào tình thế khó khăn buộc phải rút về nước. Để chặn đánh chúng, Trần Quốc Tuấn đã lợi dụng thủy triều lên xuống trên sông Bạch Đằng, cho quân bố trí trận địa bãi cọc để mai phục tiêu diệt giặc. Đầu tháng 4 – 1288, khi đoàn thuyền của Ô Mã Nhi đang rút về phía của sông Bạch Đằng, quân Trần cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy. Quân Nguyên đuổi theo, rơi vào trận địa mai phục. Cùng lúc đó, nước thủy triều rút xuống nhanh, đoàn thuyền của giặc bị cọc gỗ đâm thủng và vỡ đắm rất nhiều. Quân Trần từ bốn phía đổ ra, phân công quyết liệt, Ô Mã Nhi bị bắt sống, toàn bộ thủy binh giặc bị diệt.

(Theo Hà Văn Tấn – Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2019)



Hình 4. Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng năm 1288



Em có biết?

Võ tướng Phạm Ngũ Lão

Phạm Ngũ Lão (1255 – 1320) xuất thân từ gia đình nông dân. Khi đất nước đang đứng trước hoạ xâm lăng, vì mãi mê ngồi suy nghĩ cách đánh giặc, không biết có đoàn quân của Hưng Đạo Vương (Trần Quốc Tuấn) đi ngang, lính dẫn đường đâm giáo vào chân chảy máu mà ông không hay biết. Sau khi hồi hạn, biết được tài năng và tấm lòng yêu nước của ông, Hưng Đạo Vương đã trọng dụng và giao trọng trách trong hai lần kháng chiến chống quân Nguyên.



Là cờ thù sáu chữ vàng

Khi giặc Nguyên chuẩn bị xâm lược, vua Trần tổ chức Hội nghị Bình Than bàn cách chống giặc. Vì còn nhỏ tuổi, Trần Quốc Toàn không được tham dự. Với lòng căm thù giặc, nhận quả cam vua ban thường trong tay, Trần Quốc Toàn bóp nát lúc nào chẳng biết. Trờ lại thái ấp của mình, Quốc Toàn tập hợp hơn nghìn gia nô, sắm sửa vũ khí, tập luyện binh mã và viết lên lá cờ sáu chữ: “Phá cường địch, báo hoàng ân” (phá giặc mạnh, báo ơn vua) rồi xông pha đi giết giặc.



(Theo Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007)

Hình 5. Phù điêu Trần Quốc Toàn (1267 – 1285) (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam – Thành phố Hồ Chí Minh)



Luyện tập

1. Hoàn thành bảng thông tin về một số thành tựu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước dưới Triều Trần theo mẫu dưới đây vào vở:

Nét chính	Thành tựu
Kinh tế	?
Văn hoá	?
Chống ngoại xâm	?

2. Nêu những điều em đã học được từ một nhân vật lịch sử dưới Triều Trần.



Vận dụng

Sưu tầm và giới thiệu về một nhân vật lịch sử dưới Triều Trần (gợi ý: Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Yết Kiêu, Dã Tượng,...).

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Lào.

Cánh đồng Chum là khu di tích văn hoá – lịch sử đặc biệt ở Lào. Ở đây có khoảng hơn 2 000 chum lớn, nhỏ được dựng lên từ rất lâu đời, nằm rải rác dọc theo cánh đồng thuộc cao nguyên Xiêng Khoảng. Các chum có kích thước lớn, chiều cao phổ biến là 1,5 m – 2 m, đường kính trung bình 1,5 m. Di tích này cho biết thông tin về đời sống, phong tục của người Lào cổ.



Hình 4. Cánh đồng Chum ở cao nguyên Xiêng Khoảng

Thạt Luồng là công trình tiêu biểu mang đậm giá trị văn hoá của cư dân Lào. Công trình được xây dựng vào năm 1566, với trung tâm là một tháp lớn đặt trên đế của một dải sen hình vuông. Bao quanh công trình là 30 tháp nhỏ, được trang trí bởi 332 hình lá bồ đề cách điệu. Trên các tháp nhỏ có ghi lời dạy của Đức Phật.



Hình 5. Tháp Thạt Luồng ở Thủ đô Viêng Chăn



Em có biết?

Cố đô Luông Pha-băng

Luông Pha-băng – tiếng Lào có nghĩa là “Kinh thành Phật”. Nơi đây từng là kinh đô của Lào từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVI với các tên gọi như: Mường Xoa, Xiêng Đông.

Ở Luông Pha-băng vẫn còn gìn giữ được hàng chục ngôi chùa cổ với nét kiến trúc độc đáo. Ngoài ra, nơi đây còn có Bảo tàng Cung điện Hoàng gia Lào để gìn giữ, bảo quản nhiều cổ vật quý hiếm và nếp sinh hoạt của Hoàng gia Lào.



Hình 6. Bảo tàng Cung điện Hoàng gia Lào ở Luông Pha-băng



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm tự nhiên và dân cư Lào.
2. Vì sao nhiều sông của Lào bắt nguồn từ phía bắc và phía đông?



Vận dụng

Sưu tầm tranh ảnh, thông tin,... về một công trình tiêu biểu của Lào và chia sẻ với bạn.

Bài
23

VĂN MINH AI CẬP



Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về kim tự tháp, pha-ra-ông (pharaoh),...



Khởi động

Hình 1 gợi cho em điều gì về đất nước Ai Cập?



Hình 1. Sông Nin (Nile) ở Ai Cập



Khám phá

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay.



Hình 2. Lược đồ nước Ai Cập ngày nay

2. Một số thành tựu tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy:

- Mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.
- Kể lại câu chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông.

Văn minh Ai Cập là một trong những nền văn minh cổ xưa nhất của nhân loại. Nền văn minh này đã để lại nhiều thành tựu đặc sắc: thần thoại, kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...

Thần thoại Ai Cập

Người Ai Cập cổ đại có một kho tàng truyền thần thoại đặc sắc, thể hiện được cái nhìn của con người với thế giới tự nhiên và thế giới tâm linh, đặc biệt chứa đựng nhiều giá trị về mặt lịch sử, đạo đức và pháp luật.



Các vị thần và sự ra đời của nữ pha-ra-ông đầu tiên trong lịch sử Ai Cập

Tương truyền vào một ngày nọ, thần tối cao A-mun (Amun) nói với các vị thần: "Chưa có người phụ nữ nào trở thành pha-ra-ông của Ai Cập. Ta nghĩ đã đến lúc phải thay đổi".

"Thay đổi như thế nào, thưa cha tối cao?". Tho (Thoth) – vị thần thông thái hỏi.

A-mun bắt đầu nói: "Thực chất, Ai-sít (Isis) đã là nữ thần của Ai Cập. Ta thấy không có lí do gì để một phụ nữ không thể trở thành pha-ra-ông".

Ngày hôm sau, thần A-mun mang một nụ hoa nhỏ đến tặng cho pha-ra-ông Ai Cập. Một thời gian sau đó, Công chúa Hát-xép-xút (Hatshepsut) ra đời và trở thành vị pha-ra-ông nữ đầu tiên trong lịch sử Ai Cập.

(Theo Hà Thu Phương dịch, *Truyện của những nền văn minh Ai Cập cổ đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2020)



Hình 3. Tượng nữ hoàng Hát-xép-xút

Kim tự tháp

Kim tự tháp là một trong những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc của người Ai Cập cổ đại. Các kim tự tháp thường có bốn mặt hình tam giác, được xây bằng những phiến đá lớn.

Kim tự tháp là những lăng mộ kiên cố và đồ sộ, nơi chôn cất các pha-ra-ông để thể hiện quyền uy bất diệt của mình. Bên trong kim tự tháp có những hành lang, đường hầm, giếng sâu, phòng chứa quan tài, buồng để đồ đạc,...



Xây dựng Kim tự tháp Kê-ốp (Rheops)

Kim tự tháp Kê-ốp cao tới 147 m. Để xây dựng kim tự tháp này, người Ai Cập cổ đại phải đục đẽo hàng triệu tảng đá, trung bình mỗi tảng đá nặng 2,5 tấn. Pha-ra-ông Ai Cập đã huy động nhiều kiến trúc sư, thợ thủ công, nông dân và nô lệ trong hàng chục năm để thực hiện công trình này. Họ phải lao động cực nhọc. Kim tự tháp nói chung và Kim tự tháp Kê-ốp nói riêng chính là những công trình đánh dấu nền văn hoá rực rỡ của người Ai Cập cổ đại.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẩu chuyện lịch sử thế giới*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)



Hình 4. Kim tự tháp Kê-ốp

Đồng hồ mặt trời

Đồng hồ mặt trời được người Ai Cập cổ đại phát minh vào khoảng năm 3 500 TCN. Ban đầu, đồng hồ được tạo ra từ những cột lớn và đặt dưới ánh nắng mặt trời. Bằng cách theo dõi hướng và độ dài bóng của cột dưới ánh nắng mặt trời, người Ai Cập có thể xác định thời gian trong ngày.

Khoảng 2 000 năm sau, người Ai Cập đã cải tiến đồng hồ bằng cách sử dụng một hệ thống đĩa tròn chia thành 12 phần bằng nhau và một chiếc kim. Khi Mặt Trời di chuyển trong ngày, bóng của kim sẽ đổ xuống thẳng hàng với các đường trên mặt đĩa. Từ đó, con người đã hoàn thiện dần và phát triển thành đồng hồ có 3 kim: giờ, phút, giây như ngày nay.



Hình 5. Đồng hồ mặt trời



Luyện tập

Sưu tầm tranh ảnh hoặc câu chuyện về một thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.

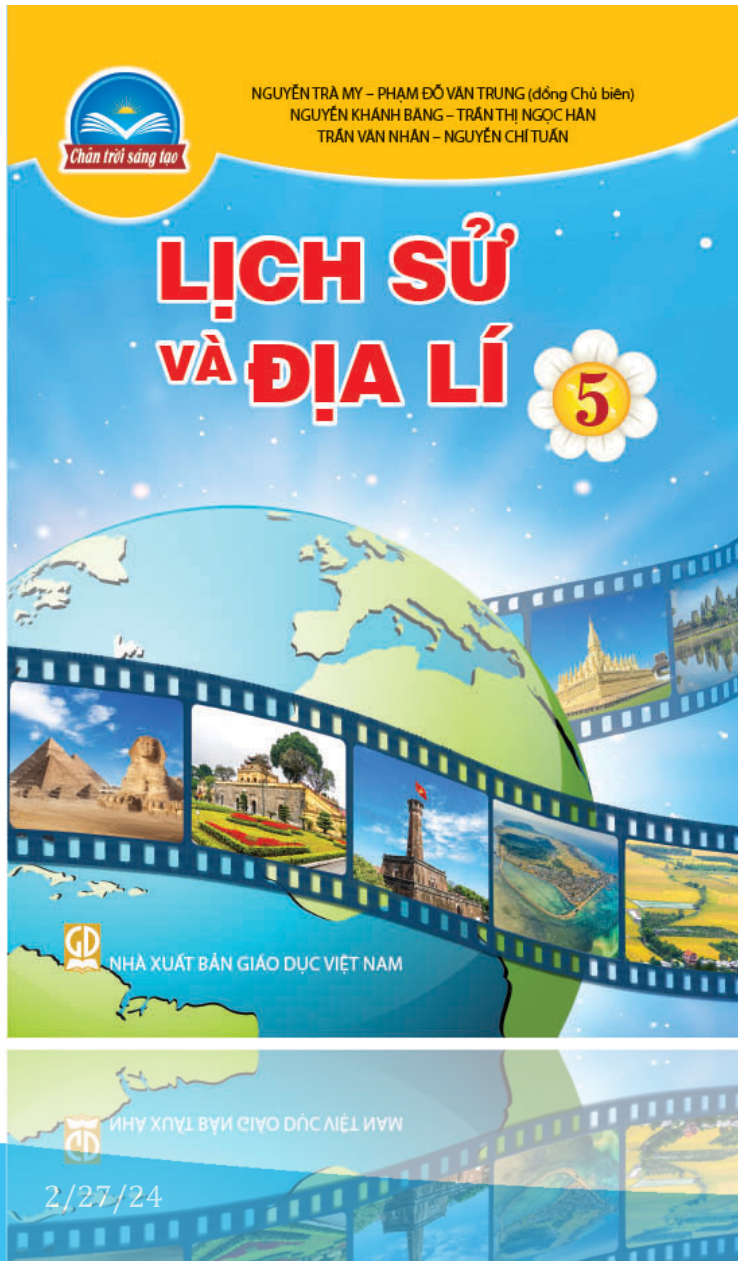


Vận dụng

Dựa vào kiến thức đã học và hình 5 trong bài, hãy thiết kế một đồng hồ mặt trời bằng giấy.



3. Cấu trúc SGK



Mục lục

Hướng dẫn sử dụng sách

6 chủ đề

Hướng dẫn ôn tập

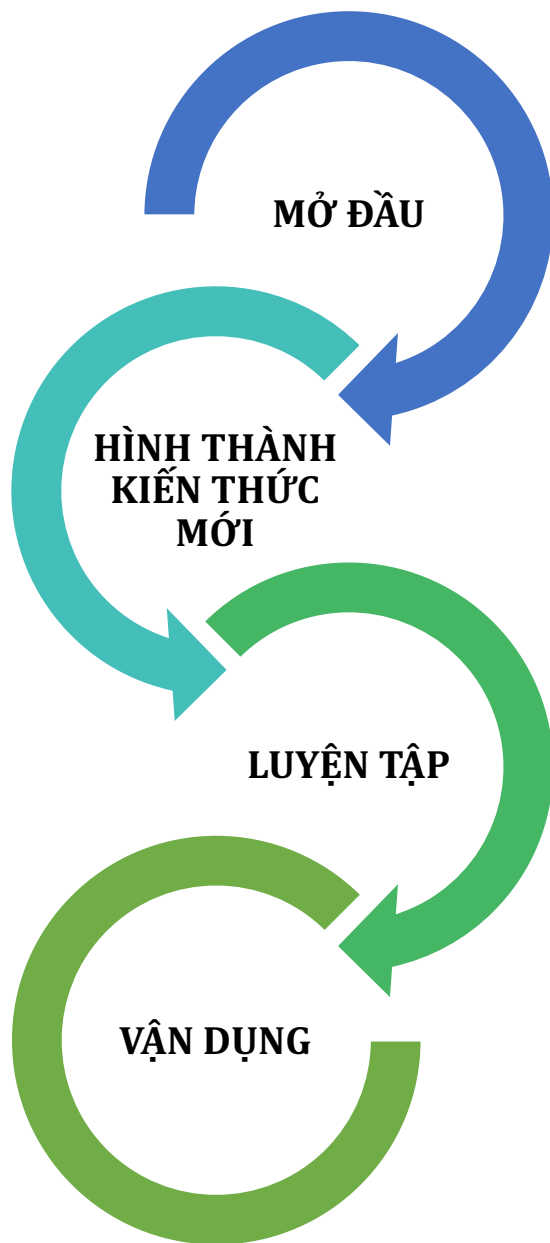
Thuật ngữ



MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
MỤC LỤC	4
CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM	5
Bài 1. Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca	5
Bài 2. Thiên nhiên Việt Nam	9
Bài 3. Biển, đảo Việt Nam	14
Bài 4. Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	18
CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM	22
Bài 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc	22
Bài 6. Vương quốc Phù Nam	27
Bài 7. Vương quốc Chăm-pa	30
CHỦ ĐỀ 3: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	33
Bài 8. Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc	33
Bài 9. Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long	36
Bài 10. Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên	40
Bài 11. Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê	44
Bài 12. Triều Nguyễn	48
Bài 13. Cách mạng tháng Tám năm 1945	51
Bài 14. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	56
Bài 15. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	60
Bài 16. Đất nước đổi mới	63
CHỦ ĐỀ 4: CÁC NƯỚC LÃNG GIỀNG	67
Bài 17. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa	67
Bài 18. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	72
Bài 19. Vương quốc Cam-pu-chia	76
Bài 20. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	80
CHỦ ĐỀ 5: TÌM HIỂU THẾ GIỚI	83
Bài 21. Các châu lục và đại dương trên thế giới	83
Bài 22. Dân số và các chủng tộc trên thế giới	89
Bài 23. Văn minh Ai Cập	92
Bài 24. Văn minh Hy Lạp	95
CHỦ ĐỀ 6: CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI	99
Bài 25. Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp	99
Bài 26. Xây dựng thế giới hoà bình	103
HƯỚNG DẪN ÔN TẬP	106
THUẬT NGỮ	110

CẤU TRÚC BÀI HỌC



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Chỉ đề 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA

— Sau khi học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lý của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với tự nhiên và dân cư.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được vị trí của Quốc lộ, Quốc lộ, Quốc lộ của Việt Nam

 KTH

Hãy nêu những điều em biết về họ họ danh trong hình 1 và hình 2.



2

1. Vị trí địa lý và hình thái

- Xác định nên bán đồ vật đầu tư của MW
- MW có hình dạng phần đất bên MW Nam

Việt Nam thuộc châu Á, nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, tiếp giáp với Biển Đông. Phấn đất liền, Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc ở phía bắc, Campuchia (Cambodia) và Lào ở phía tây.

 Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ về ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với một hoạt động sản xuất ở Việt Nam.
2. Xác định vị trí của 5 thành phố trực thuộc Trung ương ở Việt Nam trên hình 3.

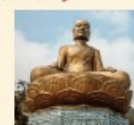
Vận dụng

Lễ chào cờ và hát Quốc ca ở trường em thường diễn ra trong dịp nào?

 Phật hoàng Trần Nhân Tông

Thiền Nhân Tông là vị vua thứ ba của Thiền Tông. Ông đã lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên là thời đại thứ ba. Sau khi nhường ngôi cho con ông trở thành Thái Thượng hoàng, ông thời cho hướng dẫn vua Trần Anh Tông trị nước. Ông là thành người sáng lập Thiền phái Trúc Lâm và Tục đồng Phật giáo chính thống của dân tộc ta.

(Theo Bình Xuyên lịch - Trường Hậu Quân
Thiền nhân với lịch sử Việt Nam. Số 1)



Hình 1. Tượng Phật hoàng
Trần Nhân Tông (1258 – 1300)
(chùa di tích Yên Tử, Quảng Ninh)

Em có biết

Những thông tin hỗ trợ, bổ sung nhằm minh họa thêm cho nội dung của bài học.

- **Luyện tập**

Những câu hỏi, bài tập để học sinh củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện kỹ năng.

- **Vấn dụng**

Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn hoặc để trình bày quan điểm về một số vấn đề lịch sử, địa lí, xã hội ở mức độ đơn giản.

- Câu chuyện lịch sử

Những câu chuyện kể về các sự kiện, nhân vật... trong quá khứ.

 Em có biết?

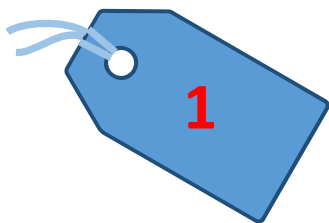
Quạt con cóc là một trong số ít những vật dụng được sản xuất tại Việt Nam thời bao cấp, được xem một trong các món hàng xa xỉ. Người ta gọi là quạt con cóc vì thân quạt gồm hai mảnh nhựa có màu nâu, khảm thêu quạt cũ trông như con cóc.



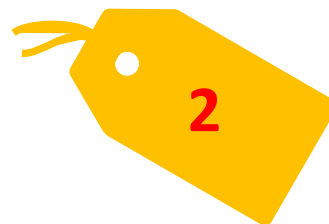
Hình 4. Quạt con có
đặt bên cửa

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

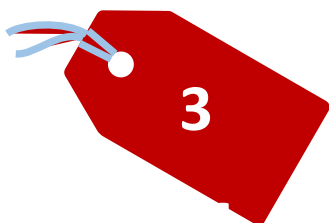
CẤU TRÚC BÀI HỌC



Bám sát *Yêu cầu cần đạt*



**Bảo đảm cấu trúc theo Thông tư 33
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**



**Kết hợp hài hoà giữa kênh chữ
và kênh hình**

KẾT LUẬN

- ❖ *Chuyển từ quan tâm tới việc HS học được gì sang quan tâm HS làm được gì qua việc học.*
- ❖ *Nội dung được lựa chọn trong SGK dựa trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.*
- ❖ *Chú trọng các kĩ năng giải mã tư liệu, kĩ năng đọc – hiểu, vận dụng kiến thức vào cuộc sống.*
- ❖ *Có đủ dữ liệu cho GV tổ chức các hoạt động, hướng dẫn HS tìm tòi, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng.*

HỆ TÀI NGUYÊN TRỰC TUYẾN VÀ GÓC HỖ TRỢ

HỆ TÀI NGUYÊN TRỰC TUYẾN

- *Giới thiệu sách*
- *Hướng dẫn sử dụng sách*
- *Ma trận kiến thức, kĩ năng*
- *Phân phối chương trình*
- *Kế hoạch giảng dạy tham khảo*
- *Tài liệu tập huấn*
- *Video giới thiệu bộ môn*
- *Video minh họa tiết dạy tham khảo*
- *Video phân tích tiết dạy minh họa*

taphuan.nxbgd.vn

hanhtrangso.nxbgd.vn

www.chantroisangtao.vn

GÓC HỖ TRỢ

- Ghi nhận các góp ý của bạn đọc, chuyển đến ban biên tập để tham khảo, phản biện và chỉnh sửa.
- Kết nối tập huấn giữa giáo viên với tác giả, Chủ biên, Tổng Chủ biên các môn học.
- Hỗ trợ phát hành và công tác thư viện.



www.chantroisangtao.vn/hotro



Trân trọng cảm ơn!

Chuẩn mực

Khoa học

Hiện đại